TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BẮC TỪ LIÊM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **47**/2024/DS-ST
Ngày: 30/5/2024
V/v:Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Lý Kế Hiền**
Hội thẩm nhân dân **: 1. Ông Phí Văn Chân**
2. Bà Vũ Thị Thanh Hương

Thư ký phiên tòa – Bà Nguyễn Thị Ngọt Thư ký Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 48/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2024 về việc: *"Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2024/QĐST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Số 2, ngõ 16 phố Trung Tựu, TDP Hạ 9, phường A, quận Bắc Từ Liêm, thành phố hà Nội; (Có mặt)

- Bị đơn: Anh Đặng Trần T, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Số 6, ngõ 163 phố Trung Kiên, TDP Trung 5, phường A, quận Bắc Từ Liêm, thành phố hà Nội; (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề tháng 4/2024 và bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị L trình bày: Ngày 31/12/2021 anh Đặng Trần T có nhận vay của bà số tiền là 500.000.000 đồng *(Năm trăm triệu đồng).* Ngày 27/4/2023 anh T viết giấy cam kết nhận vay của bà tất cả từ trước đến nay Tổng số tiền là 500.000.000 *(Năm trăm triệu đồng)* có sự chứng kiến của anh Chu Trần B chức vụ: chỉ huy phó quân sự phường A. Ngày 27/4/2023 Anh T chuyển khoản trả

đỡ số tiền gốc (chưa có lãi) vào tài khoản ngân hàng Techcombank số tài khoản 19034903526011 của con trai bà là Nguyễn Khắc K số tiền 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)* và theo như giấy cam kết đến 30/12/2023 anh T phải trả tiếp 100.000.000 đồng tiền gốc và 12.000.000 đồng *(Mười hai triệu đồng)* tiền lãi được tính từ 27/4/2023 của số tiền gốc 400.000.000 đồng *(Bốn trăm triệu đồng)* còn lại. Nhưng đến hẹn anh T đã không thực hiện theo đúng giấy cam kết của mình.

Đến 21/02/2024 anh T chỉ trả bà có 50.000.000 đồng*(Năm mươi triệu đồng)* tiền gốc và không có lãi vào tài khoản của con trai bà là Nguyễn Khắc K và tiếp tiếp tục hẹn nhưng bà không đồng ý. Mặc dù anh T vẫn bảo với bà không có, hiện nay đang khó khăn, trong khi đó sau khi anh T viết giấy cam kết thì vợ chồng anh T lại có tiền mua ô tô để sử dụng và trả nợ các chỗ khác mà không trả nợ cho bà.

Vì vậy bà đề nghị Toà án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, xem xét giải quyết cho bà các yêu cầu sau:

1. Yêu cầu Anh Đặng Trần T phải trả toàn bộ tổng số tiền gốc còn lại đang nợ là 350.000.000 đồng *(Ba trăm năm mươi triệu đồng)*

2. Yêu cầu anh T phải trả số tiền lãi của nợ gốc 500.000.000 đồng *(Năm trăm triệu đồng)* trước đây được tính từ 15/3/2022 đến 27/4/2023 phần còn lại là = 10.000.000 đồng*(Mười triệu đồng)* (là số tiền nợ lãi trước đây mà anh T còn nợ chưa trả được như trong cam kết)

3. Yêu cầu anh T phải trả đủ số tiền lãi trên số tiền nợ gốc được tính từ 28/4/2023 đến 28/4/2024 là = 35.000.000 đồng*(Ba mươi lăm triệu)* (lãi suất được tính theo lãi suất của ngân hàng là 8%/năm.

Yêu cầu anh Đặng Trần T phải trả đầy đủ toàn bộ số tiền gốc và lãi nêu trên cho bà.

Hiện nay anh Đặng Trần T đang còn nợ bà tổng số tiền gốc là 350.000.000 đồng *(Ba trăm, năm mươi triệu đồng)*, tiền lãi từ trước đến nay (hai khoản lãi) là 45.000.000 đồng. Tổng 395.000.000 đồng *(Ba trăm chín mươi lăm triệu đồng)* và tiếp tục tính lãi kể từ ngày 29/4/2024 cho đến khi anh T thanh toán xong nợ cho bà với mức lãi suất yêu cầu là 8%/năm.

Bị đơn anh Đặng Trần T trình bày: Anh và anh K làm cùng cơ quan với anh. Do tin tưởng nên bà L có cho anh vay số tiền là 500.000.000 đồng *(Năm trăm triệu đồng)*. Anh đã trả được 150.000.000 đồng *(Một trăm năm mươi triệu đồng)* tiền nợ gốc và tiền lãi. Hiện nay, anh còn nợ bà L số tiền gốc 350.000.000 đồng *(Ba trăm năm mươi triệu đồng)* và số tiền lãi tính nợ trên số nợ gốc từ ngày 28/4/2023 đến ngày 28/4/2024 số tiền 35.000.000 đồng *(Ba mươi lăm triệu)* và số tiền nợ lãi cũ tính từ 15/3/2022 đến ngày 27/4/2023 là 10.000.000 đồng *(Mười triệu)*. Anh đồng ý trả toàn bộ số tiền nêu trên và trường hợp anh chưa trả được hết nợ thì anh tiếp tục trả lãi kể từ ngày 29/4/2024 cho đến khi anh thanh toán xong nợ cho bà L với mức lãi suất yêu cầu là 8%/năm. Tuy nhiên, hiện nay do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên anh xin trả dần số tiền hàng 2.000.000 đồng *(Hai*

triệu)/tháng, số tiền còn lại anh trả hết sau khi anh làm ăn kinh tế có. Toàn bộ số tiền vay mượn này là cá nhân anh vay của bà L không liên quan gì đến vợ anh là chị H.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn yêu cầu anh T trả cho bà 06 tháng một lần mỗi lần 100.000.000 đồng. Nếu anh T không đồng ý bà yêu cầu anh T trả cho bà 350.000.000 đồng tiền nợ gốc và lãi hai khoản là 45.000.000 đồng tính đến ngày 28/4/2024. Tiếp tục tính lãi từ ngày 29/4/2024 cho đến khi anh thanh toán xong nợ cho bà L với mức lãi suất yêu cầu là 8%/năm.

Bị đơn: Thừa nhận có vay của bà L đến nay còn nợ gốc là 350.000.000 đồng, nợ lãi cũ là 10.000.000 đồng và lãi tính từ ngày 28/4/2023 đến ngày 28/4/2024 số tiền 35.000.000 đồng. Tổng nợ cả gốc và lãi là 395.000.000 đồng. Hiện nay anh đang rất khó khăn anh xin trả dần mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ và lãi suất 8%/năm đối với số tiền còn lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng:

- *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bị đơn anh Đặng Trần T, hiện đang cư trú tại Số 6, ngõ 163 phố Trung Kiên, TDP Trung 5, phường A, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Về việc: Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản giữa: Bà Nguyễn Thị L và anh Đặng Trần T. Đây là vụ án Dân sự, tranh chấp Hợp đồng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, theo quy định tại Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: Bà Nguyễn Thị L và anh Đặng Trần T đều thừa nhận bà L cho anh T vay, anh T có nhận tiền từ bà L ngày 31/12/2021 số tiền 500.000.000 đồng *(Năm trăm triệu)*. Anh T đã trả bà L hai lần cụ thể lần đầu ngày 27/4/2023 trả 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu)*, lần hai vào ngày 21/02/2024 trả 50.000.000 đồng. Anh T còn nợ bà L 350.000.000 đồng *(Ba trăm năm mươi triệu)* tiền gốc và tiền lãi tính từ ngày 15/3/2022 đến 27/4/2023 phần còn lại là = 10.000.000 đồng, từ 28/4/2023 đến 28/4/2024 = 35.000.000 đồng. Tổng nợ lãi là 45.000.000 đồng. Bà L yêu cầu anh T phải trả cho bà L số tiền gốc tiền gốc là 350.000.000 đồng*(Ba trăm triệu đồng)*, tiền lãi là 45.000.000 đồng = Tổng 395.000.000 đồng *(Ba trăm chín mươi lăm triệu đồng)*, theo mức lãi suất 8%/năm, tiền lãi tính trên số nợ gốc từ ngày 29/4/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Xét Hợp đồng giấy biên nhận vay tiền và nhận tiền ngày 31/12/2021 ký xác nhận giữa: Bà Nguyễn Thị L và anh Đặng Trần T có nội dung anh T có vay của bà

L 500,000,000 đồng để tiêu dùng cá nhân thời hạn một năm đến ngày 31/12/2022 sẽ trả gốc và lãi theo thỏa thuận. HĐXX thấy: *"Hợp đồng Giấy biên nhận vay tiền và nhận tiền"* anh T có nhận tiền và hẹn ngày trả tiền cho bà L là Hợp đồng vay tài sản. Bà L, anh T giao kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự, nội dung và hình thức của thỏa thuận đúng quy định của pháp luật, phù hợp với quy định tại các Điều 463, Điều 465, Điều 466 của Bộ luật Dân sự, nên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên đương sự. Đối chiếu với nội dung của Hợp đồng vay tài sản nêu trên, cũng như quá trình thực hiện Hợp đồng, thấy: Anh T đã thanh toán cho bà L 100.000.000 đồng vào ngày 27/4/2023, ngày 21/02/2024 trả 50.000.000 đồng. Như vậy, số tiền gốc anh T còn nợ bà L là 350.000.000 đồng *(Ba trăm năm mươi triệu)*. Ngày 27/4/2023 anh T viết giấy cam kết sẽ trả cho bà L nhưng đến hạn không thanh toán. Anh T vi phạm thỏa thuận trong Hợp đồng đã ký giữa hai bên, nên bà L khởi kiện, yêu cầu anh T thanh toán số tiền bà L cho vay là có căn cứ và phù hợp quy định tại Điều 166 Bộ luật dân sự. Do đó cần buộc anh T phải trả cho bà L số tiền nợ gốc 350.000.000 đồng *(Ba trăm năm mươi triệu)*.

Xét yêu cầu tính lãi chậm trả 8%/năm trên số tiền còn nợ chưa trả 350.000.000 đồng *(Ba trăm năm mươi triệu)*. Thời điểm bắt đầu tính lãi theo thỏa thuận 28/4/2023 đến ngày 28/4/2024 là 35.000.000 đồng *(Ba mươi lăm triệu)*, số tiền nợ lãi còn lại năm 2021 là 10.000.000 đồng *(Mười triệu)*. HĐXX thấy việc bà L, anh T thỏa thuận lãi cũ và lãi đến ngày 28/4/2024 số tiền là 45.000.000 đồng *(Bốn mươi lăm triệu đồng)* là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không trái quy định của pháp luật. Do đó cần chấp nhận sự thỏa thuận này của các bên đương sự.

Bà L, anh T thỏa thuận kể từ ngày 29/4/2024 lãi suất 8%/năm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. HĐXX thấy thỏa thuận tính lãi suất 8%/năm không trái quy định, phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Do đó thỏa thuận về lãi suất và yêu cầu tiếp tục tính lãi kể từ ngày 29/4/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ được chấp nhận.

[3] Yêu cầu khởi kiện của bà L được chấp nhận toàn bộ nên được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Anh T phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 166, 463; Điều 466, 468 - Bộ luật dân sự 2015; Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 273 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đối với anh Đặng Trần T về việc *"Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"*.

- Buộc anh Đặng Trần T phải trả bà Nguyễn Thị L số tiền là 395.000.000 đồng *(Ba trăm chín mươi lăm triệu đồng)*. Trong đó có 350.000.000 đồng *(Ba trăm năm mươi triệu)* tiền nợ gốc và 45.000.000 đồng *(Bốn mươi lăm triệu đồng)* tiền lãi tính đến ngày 28/4/2024.

Anh T tiếp tục trả lãi kể từ ngày 29/4/2024 với lãi suất 8%/năm trên số tiền nợ gốc cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. *Về án phí:* Anh T phải chịu 19.750.000 đồng *(Mười chín triệu, bẩy trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại bà L số tiền tạm ứng đã nộp 9.875.000 đồng *(Chín triệu, tám trăm bảy mươi lăm nghìn)* theo biên lai số 0021469 ngày 10/4/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm.

3. Về quyền kháng cáo: Bà L, anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận :
- Các đương sự;
- VKSND quận Bắc Từ Liêm;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Chi cục THA quận Bắc Từ Liêm.
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lý Kế Hiền